TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **722**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn.

2. Bà Trần Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án Hôn nhân gia đình và người chưa thành niên thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 500/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 498/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 422/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Kiều V,** sinh năm 2000.

Địa chỉ: DA ấp B, xã TN, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: EH ấp S, xã TN, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên hòa giải nguyên đơn bà Lê Kiều V trình bày: Bà và ông Nguyễn Quốc T bắt đầu chung sống với nhau vào cuối năm 2022, do cả hai tự nguyện tìm hiểu đến với nhau và có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện

Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31/10/2022. Hai bên chung sống hạnh phúc, sau khi sinh con chung vào đầu năm 2023 thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Bà V và ông T có với nhau có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Kiều M (giới tính nữ) sinh ngày 23/02/2023 hiện nay đang sống với bà V.

Khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V khai không có;

Ngoài ra bà V không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kiều V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Kiều V nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Quốc T tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Quốc T hiện đang cư trú tại địa chỉ EH ấp S, xã TN, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông Nguyễn Quốc T đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án, ông T đã trực tiếp nhận các văn bản và Giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông T vẫn vắng mặt; bà V có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà V theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật

Tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà V và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2022 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Kiều V và ông Nguyễn Quốc T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà V hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà V thì quan hệ vợ chồng của bà V và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông T không chăm sóc vợ con. Do vợ chồng không còn tiếng nói chung nên bà V và ông T đã không còn chung sống với nhau cùng nhà, sống ly thân hơn một năm nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Công văn số 2620/UBND về việc xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh xác nhận:

"- Trong quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống hôn nhân giữa bà Lê Kiều V và ông Nguyễn Quốc T có xảy ra mẫu thuẫn (không rõ nguyên nhân). Ủy ban nhân dân xã không tiến hành giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà T và ông T do không có yêu cầu.

- Bà V và ông T không còn sống chung với nhau; bà V hiện đang cư trú tại địa chỉ: DA ấp B, xã TN, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T đang sống tại địa chỉ EH ấp S, xã TN, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà V và ông T có 01 con chung là trẻ Nguyễn Lê Kiều M, sinh ngày 23/02/2023, hiện trẻ đang sống cùng bà T tại địa chỉ DA ấp B, xã TN, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh."

Mặt khác, do ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa, ông T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông T không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T.

[4] Về con chung: Bà Lê Kiều V xác nhận bà và ông T chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Lê Kiều M (giới tính nữ) sinh ngày 23/02/2023 hiện nay đang sống với bà V. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Xét, bà V và ông T không có tranh chấp về quyền nuôi con và mức cấp dưỡng cho con, bà V xác nhận hiện con chung đang sống chung với bà. Đồng thời, kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19/6/2024 xác nhận hiện con chung đang sống chung với bà V.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."

Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao trẻ Nguyễn Lê Kiều M (giới tính nữ) sinh ngày 23/02/2023 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi ly hôn, do ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Theo tinh thần hướng dẫn tại Công văn số: 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Toà án nhân dân tối cao về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật "Toà án nhân dân tối cao tạm thời hướng dẫn là mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con".

Đồng thời, theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuộc vùng I) có mức lương tối thiểu tháng là 4.960.000 đồng/tháng.

Xét thấy, mức cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là hợp lý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V về việc yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà V khai nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông T thì vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí:

[6.1] Bà Lê Kiều V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2] Ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Kiều V đối với ông Nguyễn Quốc T.

Bà Lê Kiều V được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T. Giấy chứng nhận kết hôn số 113 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2022 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Lê Kiều M (giới tính nữ) sinh ngày 23/02/2023 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Quốc T cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Bà Lê Kiều V và ông Nguyễn Quốc T thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng cho con vào ngày 20 Tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 20/9/2024 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc T không thực hiện việc cấp dưỡng cho con theo thỏa thuận thì bà Lê Kiều V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Kể từ khi bà Lê Kiều V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Quốc T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con thì ông Nguyễn Quốc T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con sau này.

Ông Nguyễn Quốc T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho ông T, bà V bằng một vụ án khác nếu ông bà có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Lê Kiều V chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà V đã nộp theo biên lai thu số 0033987 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, bà V đã nộp đủ án phí; Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Bà V, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM (1);
- VKSND H.BC (2);
- Chi cục THADS.HBC (1);
- Các đương sự (4);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (3).

TM. HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA

2AAKKBN*ιιηχαη+

Nguyễn Hoàng Sơn